

EBT (tr.đ) < 0

Số lượng công ty được đưa vào trong nhóm này: 25

### Thị trường có điều chỉnh lớn?

Hai hôm nay, sàn HOSE "không chịu điều chỉnh" như dự đoán của nhiều người. Cổ phiếu rớt giá trong đợt 1, nhưng sau đó lại bật lên vào đợt 2 và đợt 3. Vnindex đã tăng điểm phiên thứ 5 liên tiếp, Trên sàn HASTC, hôm nay tạm coi là 1 phiên điều chỉnh, tuy KLGD cũng không tăng so với các phiên trước đó.

Tuy nhiên, nhiều đại gia đã điều chỉnh trước index, như ACB, SSI, HPG... VNM thậm chí đã rớt giá liên tục 4 phiên. Có lẽ các cổ phiếu khác như PVF, ITA... sẽ điều chỉnh vào ngày mai. Hôm nay PVF đã giao dịch với KL khớp tăng vọt, nguyên do là giá đã xấp xỉ mức ủy thác đầu giá, và những ai đang mắc nợ đã bắt đầu tính đến chuyện tất toán khoản ủy thác đầu tư này với ngân hàng, hay với chính PVFC, do đó giá PVF có thể không còn tăng trần đến 9 phiên liên tiếp như trước.

Liệu ngày mai index sẽ giảm? Theo chúng tôi, điều này có thể xảy ra, vì thực tế VNindex của đợt 3 cũng không hơn đợt 1 là bao. Nhiều người đang trông chờ vào 1 hay vài phiên điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục đầu tư, nhất là chuyển tàu từ những mã hết đà tăng mạnh sang những mã khác có tiềm năng. Đó là cách chơi của dân lướt sóng, và nó giúp TT luôn sôi động. Chúng tôi cho rằng, lúc này lòng tham đang lấn át nỗi sợ hãi. Những dấu hiệu lạm phát hay kinh tế (cả thế giới và VN) vẫn còn khó khăn không làm nhà đầu tư ngừng bơm tiền vào TTCK. Do đó, chúng tôi chỉ khuyến nghị khách hàng bỏ 10% thời gian chơi chứng khoán để xem xét lại những cty có rủi ro về KQKD hay tài chính. Điều này sẽ giúp KH tránh được tình trạng mắc kẹt vào cổ phiếu xấu, nếu thị trường "bất ngờ" đảo chiều.



Ghi chú: các chỉ tiêu trong nhóm Rủi ro này không ám chỉ tất cả các Công ty đang hoạt động yếu kém mà chỉ giúp bạn đọc thấy được những rủi ro mà trong tương lai có thể tác động không tích cực đến Công ty đó. Chúng tôi chỉ đề nghị bạn đọc nên chú ý đến những rủi ro này, đồng thời nên tìm hiểu thêm thông tin về các Công ty này trước khi có bất cứ quyết định đầu tư nào.

(Bạn có thể xem tất cả các mã chứng khoán trong nhóm này ở phần Phụ lục dưới đây)

Các công ty thuộc nhóm ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, chứng khoán... được SME xem xét theo các chỉ số đặc trưng riêng. SMES đảm bảo rằng mọi báo cáo, phân tích và nhận định về các vấn đề liên quan đến TTCK đều được gửi đến cho các KH qua email và/hoặc S-pro ít nhất 24g trước khi đăng tải miễn phí lên website www.smes.vn.

CK		EPS	P/E	BV	P/B	DPS	Yield	+/-DT	EBT	+/-EBT	ROAA	ROAE	Nợ/Vốn
		ng.đ/cp					%		tỷ đ				
PPC	NĐ Phà Lại	-0,66		11,24	<b>2,94</b>		0,53%	0,53%	<b>-472</b>	0,53%	-2,00%	<b>-5,31%</b>	1,94
IFS	Interfood	-7,71		6,25	<b>1,84</b>		3,84%	3,84%	<b>-230</b>	2,89%	-17,85%	<b>-73,34%</b>	4,94
TRI	Tribeco	-21,96		-3,54			7,49%	7,49%	<b>-167</b>	15,33%	-32,61%	<b>-272,58%</b>	-13,27
TYA	Taya Việt Nam	-4,95					-17,51%	-17,51%	<b>-147</b>	27,39%	-15,84%	<b>-45,93%</b>	
SAM	Sacom	-1,73		33,78	<b>0,88</b>		-58,17%	-58,17%	<b>-106</b>	39,72%	-4,26%	<b>-4,51%</b>	0,02
TLT	Viglacera Thăng Long	-10,63		-0,14			-6,92%	-6,92%	<b>-74</b>	7,70%	-19,84%	<b>-168,32%</b>	207,82
HAP	Hapaco	-4,28		23,74	<b>0,98</b>		7,75%	7,75%	<b>-67</b>	-0,66%	-9,25%	<b>-15,31%</b>	0,76
BHS	Đường Biên Hòa	-2,58		17,77	<b>1,02</b>		-3,23%	-3,23%	<b>-48</b>	10,28%	-6,80%	<b>-13,48%</b>	1,13
TPC	Nhựa Tân Đại Hưng	-2,20					3,53%	3,53%	<b>-44</b>	-12,93%	-11,34%	<b>-13,97%</b>	
HNM	Hanoimilk	-3,59		12,81	<b>1,21</b>		-2,30%	-2,30%	<b>-36</b>	-3,63%	-14,56%	<b>-24,14%</b>	0,66

PPC	HOSE	NĐ Phà Lại	GTTT (tỷ đ):	10.730,1	PPC xếp thứ 1/9 về GTTT trong số các TCNY cùng ngành
Sản phẩm - dịch vụ chính: nhiệt điện			Tin tức ->	15/05/09: PPC: Quý ĐT CK Bảo Việt (BVVF1), đại diện là TV BKS bán 400.000 cp từ 12/2-12/5. Số sở hữu sau GD là 425.000 cp.	
Ngành: SX, truyền tải & phân phối điện					
Giá đóng cửa	<b>33</b>	<b>2,65%</b>		Thế mạnh của Công ty	
EPS	-0,66	P/E		Là trung tâm sản xuất nhiệt điện lớn ở khu vực phía Bắc với sản lượng điện SX và cung cấp cho hệ thống chiếm khoảng 10% sản lượng điện SX của cả nước và 40% của miền Bắc. Nhà máy đặt tại Phà Lại là vị trí thuận tiện cho việc vận chuyển nhiên liệu chính là than đá bằng cả đường sắt và đường sông (gần mỏ than Vàng Danh, Mạo Khê và nằm gần ngã sáu sông), tạo điều kiện nhập nhiên liệu với giá rẻ hơn do tiết kiệm được chi phí vận chuyển.	
EPS forward		P/E forward			
BV	11,24	P/B	<b>2,94</b>		
DPS		Yield			
DPS forward	0,50	Yield forward	<b>1,52%</b>	Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại	
9 công ty trong ngành ->	->Q1-2009	+/- 2008	BQ ngành	Tính cho đến thời điểm này, khoản lỗ do trích lập dự phòng chênh lệch tỷ giá thời điểm cuối năm 2008 vẫn còn quá cao khiến cho chỉ số EPS trong 4 quý tính đến thời điểm hết quý 1/2009 là số âm. Tuy nhiên, tỷ giá đồng JPY giảm đi nên công ty không còn phải tiếp tục trích lập dự phòng nữa và mặc dù theo qui định hiện hành, việc xác định chênh lệch tỷ giá thường tính vào cuối năm nên công ty không tính doanh thu từ khoản chênh lệch này nhưng kết quả quý 1 năm nay vẫn rất khả quan. DT và chi phí giá vốn hàng bán xấp xỉ với cùng kỳ năm ngoái. So với quý 4 năm ngoái thì tăng cao hơn hẳn do tính thời vụ và do giá bán điện đã tăng lên. DT hoạt động tài chính do lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ tăng lên trong khi chi phí lãi vay lại giảm (do công ty trả bớt nợ gốc) khiến cho hoạt động tài chính chi lỗ hơn 3 tỷ đồng, trong khi hoạt động tài chính cùng kỳ năm ngoái lỗ gần 47 tỷ đồng. Kết quả lợi nhuận trước thuế quý 1 năm nay đạt 284,263 tỷ đồng, bằng 99% so với cùng kỳ năm ngoái.	
DT thuần	tỷ đ	3.902,5	0,53%	0,55%	
Lãi gộp		1.044,9	-3,55%	0,77%	
Lãi KD chính		-484,2	0,40%	1,47%	
EBT		<b>-471,9</b>	0,53%	-0,12%	
	->Q1-2009	2008	BQ ngành		
ROAE		<b>-5,31%</b>	-5,17%	13,71%	PPC là doanh nghiệp cung cấp điện nên nguồn doanh thu và lợi nhuận hoạt động kinh doanh tương đối ổn định qua các năm và nó thể hiện rõ ở kết quả quý 1 này. Rủi ro lớn nhất mà nhà đầu tư cần chú ý chính là sự biến động của tỷ giá đồng Yên ảnh hưởng đến lợi nhuận hoạt động tài chính của PPC.
Tổng Nợ/ Vốn CSH		1,94	2,14	1,50	



EBT (tr.đ) &lt; 0

Số lượng công ty được đưa vào trong nhóm này: 25

IFS	HOSE	Interfood	GTIT (tỷ đ):	335,1	IFS xếp thứ 1/6 về GTIT trong số các TCNY cùng ngành
Sản phẩm - dịch vụ chính: nước giải khát					
Ngành: SX đồ uống					
Tin tức -> 15/04/09: IFS: xin gia hạn BCTC kiểm toán đến 30/06					
Giá đóng cửa	11,5 ▲ 4,55%	[5][4,56%][15/05/09]	Thế mạnh của Công ty		
EPS	-7,71	P/E	(chưa có nhận xét nào về mục này)		
EPS forward		P/E forward			
BV	6,25	P/B	1,84		
DPS		Yield			
DPS forward		Yield forward			
6 công ty trong ngành -> ->Q1-2009			+/- 2008	BQ ngành	Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại  Mặc dù quý 1 năm nay hoạt động đã có lãi, nhưng kết quả kinh doanh vẫn giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu vẫn tăng so với 4 quý trước đây. Tuy nhiên, khoản chi phí tài chính quá lớn trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay khiến cho hoạt động tài chính lỗ gần 17 tỷ đồng. Chi phí bất thường năm nay cũng tăng 353,6 triệu đồng. Do đó lãi trước thuế chỉ đạt 13,319 tỷ đồng, bằng 69% so với cùng kỳ năm ngoái.  Công ty quá phụ thuộc vào vốn vay, chi phí lãi vay quá lớn nên nguồn tiền mặt giảm mạnh. Tỷ lệ Ng/VCSH 4,94 là một tỷ lệ rủi ro.Kết quả kinh doanh của công ty sẽ phụ thuộc khá nhiều vào vào biến động của lãi suất ngân hàng thời gian tới.
DT thuần	tỷ đ	885,8	3,84%	2,00%	
Lãi gộp		96,3	14,64%	7,82%	
Lãi KD chính		-81,7	8,09%	-3,39%	
EBT		-229,9	2,89%	3,43%	
->Q1-2009			2008	BQ ngành	
ROAE		-73,34%	-62,49%	-47,48%	
Tổng Ng/ Vốn CSH		4,94	5,33	-1,12	

TRI	HOSE	Tribeco	GTTT (tỷ đ):	71,0	TRI xếp thứ 4/6 về GTTT trong số các TCNY cùng ngành
Sản phẩm - dịch vụ chính: nước giải khát			Tin tức -> 12/05/09: TRI: phát hành riêng lẻ 25 triệu cp cho đối tác chiến lược vào quý 1,2/2009 theo giá đóng cửa bình quân 5 phiên gđ		
Ngành: SX đồ uống					
Giá đóng cửa	9,4 ▲ 4,44%	[3][4,66%][19/05/09]	Thế mạnh của Công ty (chưa có nhận xét nào về mục này)		
EPS	-21,96	P/E	4,17		
EPS forward	2,25	P/E forward			
BV	-3,54	P/B			
DPS		Yield			
DPS forward		Yield forward	Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại (chưa có nhận xét nào về mục này)		
6 công ty trong ngành -> ->Q1-2009 +/- 2008 BQ ngành					
DT thuần	tỷ đ	624,1	7,49%	2,00%	
Lãi gộp		124,4	-0,83%	7,82%	
Lãi KD chính		-126,4	17,41%	-3,39%	
EBT		-167,2	15,33%	3,43%	
->Q1-2009 2008 BQ ngành					
ROAE		-272,58%	-140,67%	-47,48%	
Tổng Ng/ Vốn CSH		-13,27	-70,95	-1,12	

TYA	HOSE	Taya Việt Nam	GTIT (tỷ đ):	306,8	TYA xếp thứ 3/6 về GTIT trong số các TCNY cùng ngành		
Sản phẩm - dịch vụ chính: dây cáp điện							
Ngành: SX dây & thiết bị dây dẫn							
Tin tức -> 12/05/09: TYA: HĐQT 2009 thông qua kết quả 2008, kế hoạch 2009 (DT 546,3 tỷ, LNST 1,1 tỷ),...							
Giá đóng cửa	11 ▲	4,76%	[5][3,88%][15/05/09]	Thế mạnh của Công ty			
EPS	-4,95	P/E	(chưa có nhận xét nào về mục này)				
EPS forward	0,04	P/E forward					
BV		P/B					
DPS		Yield					
DPS forward		Yield forward	Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại				
6 công ty trong ngành -> ->Q1-2009						+/- 2008	BQ ngành
DT thuần	tỷ đ	976,4				-17,51%	-24,46%
Lãi gộp		-38,3	137,26%	-89,63%			
Lãi KD chính		-151,6	25,29%	-424,33%			
EBT		-146,8	27,39%	45,20%			
		->Q1-2009	2008	BQ ngành			
ROAE		-45,93%	-36,06%	-11,48%			
Tổng Ng/ Vốn CSH			2,35	0,02			



EBT (tr.đ) &lt; 0

Số lượng công ty được đưa vào trong nhóm này: 25

SAM	HOSE	Sacom	GTTT (tỷ đ):	1.883,0	SAM xếp thứ 1/6 về GTTT trong số các TCNY cùng ngành	
Sản phẩm - dịch vụ chính: dây cáp điện			Tin tức ->	02/04/09: SAM: NQ ĐHCĐ thông qua kết quả 2008 (các dự án đã giải ngân), kế hoạch 2009 (Lợi nhuận 140 tỷ, cổ tức 10%, đầu tư 388 tỷ vào các dự án), ...		
Ngành: SX dây & thiết bị dây dẫn						
Giá đóng cửa	29,7	▼ 4,81%	Thế mạnh của Công ty			
EPS	-1,73	P/E	13,45	Là công ty thành viên của VNPT, Sacom hiện đang chiếm thị phần 50% khu vực phía Nam về cáp đồng, cáp viễn thông và các thiết bị khác trong lĩnh vực bưu chính viễn thông. Khách hàng thường xuyên của Công ty là TCT Viễn thông Quân đội, SG Postel và các Bưu điện tỉnh Đồng Nai, BR-VT...		
EPS forward	2,21	P/E forward				
BV	33,78	P/B				0,88
DPS		Yield				
DPS forward	1,00	Yield forward	3,37%	Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại		
6 công ty trong ngành -> ->Q1-2009			+/- 2008	BQ ngành	(chưa có nhận xét nào về mục này)	
DT thuần	tỷ đ	542,3	-58,17%	-24,46%		
Lãi gộp		55,3	-56,13%	-89,63%		
Lãi KD chính		-106,3	40,84%	-424,33%		
EBT		-106,0	39,72%	45,20%		
		->Q1-2009	2008	BQ ngành		
ROAE		-4,51%	-3,30%	-11,48%		
Tổng Ng/ Vốn CSH		0,02	0,03	0,02		

TLT	HASTC	Viglacera Thăng Long	GTIT (tỷ đ):	58,0	TLT xếp thứ 21/33 về GTIT trong số các TCNY cùng ngành
Sản phẩm - dịch vụ chính: gạch, ngói			Tin tức -> 24/04/09: TLT: Thay đổi thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2009		
Ngành: SX sản phẩm phi kim loại khác					
Giá bình quân	8,3	▲ 6,41%	[2][5,91%][20/05/09]	Thế mạnh của Công ty (chưa có nhận xét nào về mục này)	
EPS	-10,63	P/E			
EPS forward		P/E forward			
BV	-0,14	P/B			
DPS		Yield			
DPS forward		Yield forward	Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại (chưa có nhận xét nào về mục này)		
33 công ty trong ngành -> ->Q1-2009					
DT thuần	tỷ đ	198,2	-6,92%	0,33%	
Lãi gộp		-6,8	157,41%	10,12%	
Lãi KD chính		-71,9	4,24%	-20,05%	
EBT		-74,3	7,70%	0,09%	
->Q1-2009			2008	BQ ngành	
ROAE		-168,32%	-95,32%	16,44%	
Tổng Ng/ Vốn CSH		207,82	8,76	8,17	

HAP	HOSE	Hapaco	GTIT (tỷ đ):	390,1	HAP xếp thứ 1/8 về GTIT trong số các TCNY cùng ngành
Sản phẩm - dịch vụ chính: giấy, vàng mã					
Ngành: SX giấy & sản phẩm từ giấy			Tin tức ->	16/05/09: HAP: ngày dự kiến tổ chức ĐHCĐ 2009 tại Nhà hát lớn, HP	
Giá đóng cửa	23,2 ▲	4,04%	[11][4,70%][07/05/09]	Thế mạnh của Công ty  Với sản phẩm chính là giấy để dập nhũ để XK, Công ty đã ký được các hợp đồng bao tiêu chọn gói và xây dựng được những mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác tại Đài Loan. Sản phẩm giấy để của Công ty chiếm tới 70% thị phần giấy để xuất khẩu. Nguyên liệu làm giấy được lấy từ các loại tre nứa và sùt, được trồng rất phổ biến ở các tỉnh Hòa Bình, Hà Giang, Yên Bái...	
EPS	-4,28	P/E			
EPS forward		P/E forward			
BV	23,74	P/B	0,98		
DPS		Yield			
DPS forward		Yield forward		Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại  (chưa có nhận xét nào về mục này)	
8 công ty trong ngành ->			->Q1-2009		
DT thuần	tỷ đ	445,9	7,75%	7,07%	
Lãi gộp		41,7	397,07%	51,85%	
Lãi KD chính		-67,0	-0,86%	-21,72%	
EBT		-66,6	-0,66%	-22,57%	
			->Q1-2009	2008	BQ ngành
ROAE		-15,31%	-13,96%	11,00%	
Tổng Ng/ Vốn CSH		0,76	0,82	1,01	



EBT (tr.đ) &lt; 0

Số lượng công ty được đưa vào trong nhóm này: 25

BHS	HOSE	Đường Biên Hòa	GTIT (tỷ đ):	335,4	BHS xếp thứ 6/10 về GTIT trong số các TCNY cùng ngành	
Sản phẩm - dịch vụ chính: đường			Tin tức -> 11/05/09: BHS: Phó CT HĐQT bán hết 44.863 cp từ 14/05-31/12/2009			
Ngành: SX đường & sản phẩm từ bột						
Giá đóng cửa	18,1 ▲ 1,69%	[5][3,43%][15/05/09]	Thế mạnh của Công ty			
EPS	-2,58	P/E	Là một trong những thương hiệu lớn nhất của ngành SX đường nguyên liệu và tiêu dùng của cả nước và đặc biệt là miền Nam, cung cấp 10% sản lượng đường cho cả nước, riêng kênh tiêu dùng trực tiếp (đường túi) Công ty chiếm khoảng 60-70% thị phần cả nước. Là nhà cung cấp cho các công ty lớn như Vinamilk, Bibica...			
EPS forward		P/E forward				
BV	17,77	P/B				1,02
DPS		Yield				
DPS forward		Yield forward				
10 công ty trong ngành -> ->Q1-2009			+/- 2008	BQ ngành	Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại	
(chưa có nhận xét nào về mục này)						
DT thuần	tỷ đ	764,6	-3,23%	-3,07%		
Lãi gộp		41,3	-18,02%	-3,85%		
Lãi KD chính		-47,8	9,95%	194,19%		
EBT		-47,7	10,28%	202,82%		
->Q1-2009			2008	BQ ngành		
ROAE		-13,48%	-11,81%	8,88%		
Tổng Ng/ Vốn CSH		1,13	0,81	0,62		

TPC	HOSE	Nhựa Tân Đại Hưng	GTIT (tỷ đ):	258,5	TPC xếp thứ 4/12 về GTIT trong số các TCNY cùng ngành
Sản phẩm - dịch vụ chính: bao bì nhựa PP, PE, PET Ngành: SX sản phẩm từ plastic			Tin tức -> 11/05/09: TPC: giải trình hạn chế đối với BCTC kiểm toán 2008: ngoại trừ ý kiến số dư đầu kỳ do KPMG kiểm toán		
Giá đóng cửa	13 ▼ 1,52%	[2][-2,93%][20/05/09]	Thế mạnh của Công ty		
EPS	-2,20	P/E	30% sản phẩm bao bì PP được tiêu thụ khá ổn định ở thị trường nội địa, đặc biệt là về các sản phẩm bao bì đựng gạo, phân bón thức ăn gia súc và thủy sản, 70% còn lại được XK vào các thị trường EU và Mỹ với các sản phẩm bao shopping, bao hộp polyvalent, bao PP thường, bao lưới Leno – Raschel... Là một trong những nhà cung ứng cho các công ty lớn như: Công ty Phân đạm Hóa chất Dầu khí, Công ty liên doanh Phân bón Việt - Nhật, Công ty Thức ăn gia súc CJ Vina (100% vốn nước ngoài)... và các tập đoàn siêu thị nổi tiếng như: Carrefour, Le Mousquetaire, Super U, Ahold ...		
EPS forward		P/E forward			
BV		P/B			
DPS		Yield			
DPS forward		Yield forward			
12 công ty trong ngành -> ->Q1-2009			+/- 2008	BQ ngành	Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại
(chưa có nhận xét nào về mục này)					
DT thuần	tỷ đ	472,5	3,53%	0,81%	
Lãi gộp		43,7	5,70%	11,66%	
Lãi KD chính		-47,2	-9,80%	8,85%	
EBT		-44,4	-12,93%	1,56%	
->Q1-2009			2008	BQ ngành	
ROAE		-13,97%	-15,72%	11,28%	
Tổng Ng/ Vốn CSH			0,22	0,67	

HNM	HASTC	Hanoimilk			GTIT (tỷ đ):	155,0	HNM xếp thứ 18/30 về GTIT trong số các TCNY cùng ngành
Sản phẩm - dịch vụ chính: sữa			Tin tức -> 13/03/09: HNM: bà Nguyễn Thị Hồng (Người có liên quan của Ô.Trần Đăng Tuấn – CTHĐQT kiểm TGD Công ty) đã thực hiện bán: 153.000 CP ngày 04/3/2009				
Ngành: SX chế biến thực phẩm							
Giá bình quân	15,5 ▲	1,97%	[5][5,27%][15/05/09]		Thế mạnh của Công ty		
EPS	-3,59	P/E	(chưa có nhận xét nào về mục này)				
EPS forward	0,57	P/E forward	27,10				
BV	12,81	P/B	1,21				
DPS		Yield					
DPS forward	0,50	Yield forward	3,23%		Nhận định tóm tắt về tình hình kinh doanh và tài chính hiện tại		
30 công ty trong ngành -> ->Q1-2009			+/- 2008	BQ ngành	(chưa có nhận xét nào về mục này)		
DT thuần	tỷ đ	341,8	-2,30%	-1,43%			
Lãi gộp		68,5	5,82%	-1,95%			
Lãi KD chính		-34,0	-3,52%	30,90%			
EBT		-36,3	-3,63%	52,88%			
		->Q1-2009	2008	BQ ngành			
ROAE		-24,14%	-19,17%	8,56%			
Tổng Ng/ Vốn CSH		0,66	0,63	0,81			

**EBT (tr.đ) < 0**

Số lượng công ty được đưa vào trong nhóm này: 25

**Danh sách tất cả mã cổ phiếu được đưa vào diện rủi ro**

Dữ BCTC 4 quý gần nhất đến q1-2009

TT				EBT (tr.đ) < 0	TT				EBT (tr.đ) < 0
1	PPC	HOSE	NĐ Phả Lại	-471.914,9					
2	IFS	HOSE	Interfood	-229.866,9					
3	TRI	HOSE	Tribeco	-167.216,7					
4	TYA	HOSE	Taya Việt Nam	-146.824,8					
5	SAM	HOSE	Sacom	-106.045,8					
6	TLT	HASTC	Viglacera Thăng Long	-74.280,7					
7	HAP	HOSE	Hapaco	-66.609,4					
8	BHS	HOSE	Đường Biên Hòa	-47.725,7					
9	TPC	HOSE	Nhựa Tân Đại Hưng	-44.415,5					
10	HNM	HASTC	Hanoimilk	-36.331,8					
11	DQC	HOSE	Đèn Điện Quang	-34.688,3					
12	NVC	HASTC	Nam Vang	-29.475,3					
13	VNE	HOSE	Vneco	-29.313,9					
14	TAC	HOSE	Dầu Tường An	-25.988,4					
15	CMC	HASTC	Đầu tư CMC	-23.962,7					
16	VHG	HOSE	Việt Hàn Corp.	-23.626,4					
17	KKC	HASTC	Kinh doanh Kim khí	-21.879,4					
18	TKU	HASTC	Tung Kuang	-20.994,9					
19	MTG	HOSE	MT Gaz	-20.512,8					
20	ANV	HOSE	Thủy sản Nam Việt	-15.993,0					
21	MHC	HOSE	Hàng hải HN	-13.808,2					
22	VTA	HOSE	Vitaly	-9.934,3					
23	RIC	HOSE	QT Hoàng Gia	-8.934,8					
24	LAF	HOSE	Lafooco	-7.815,3					
25	CAP	HASTC	Yfaco	-709,7					

**EBT (tr.đ) < 0**

Số lượng công ty được đưa vào trong nhóm này: 25

## GIỚI THIỆU SME's CHART

Dựa trên các BCTC hàng năm và hàng quý gần nhất, cổ phiếu được chọn lọc và phân loại thành các bảng như sau

Điều kiện cơ bản	SME's CHART - TĂNG TRƯỞNG	(công bố thứ Ba hàng tuần)
(số lượng cty đủ điều kiện cơ bản: 175)	(số lượng cty được xếp hạng: 9)	
Chỉ tính đến các Cty thuộc nhóm SXKD Đủ BCTC 3 năm gần nhất Đủ BCTC 4 quý gần nhất đến q1-2009 Lãi bất thường trên EBT <20% ĐTTT trên Tổng TS <=30% Tổng Nợ trên Vốn CSH <=3	DT bình quân 3 năm tăng >=20% Trong 3 năm đó, DT luôn tăng DT hiện tại tăng >=10% so với năm trước Lãi KD chính & EBT hiện tại >0	
Trường hợp Tổng Nợ trên Vốn >3, thì Nợ NH trên Vốn <=4 & Khả năng thanh toán nhanh >=0,9	<b>SME's CHART - HIỆU QUẢ</b> (số lượng cty được xếp hạng: 42)	
	ROAE bình quân 3 năm & hiện tại >=20% Lãi KD chính từng năm trong 3 năm và hiện tại >0 Lãi KD chính quý 1-2009 >=0	

## SME's CHART - RỦI RO

Đủ BCTC 4 quý gần nhất đến q1-2009	(công bố thứ Năm hàng tuần)
DT giảm tối thiểu -20% so với 2008 Lãi KD chính /EBT tối đa = 50% EBT (tr.đ) < 0 Tuy EBT > 0, nhưng lãi KD chính (tr.đ) < 0 ĐTTT/ Tổng TS tối thiểu = 30% Nợ/Vốn tối thiểu = 3,00	(số lượng cty bị đưa vào diện rủi ro: 10) (số lượng cty bị đưa vào diện rủi ro: 10) (số lượng cty bị đưa vào diện rủi ro: 25) (số lượng cty bị đưa vào diện rủi ro: 6) (số lượng cty bị đưa vào diện rủi ro: 34) (số lượng cty bị đưa vào diện rủi ro: 45)

Các công ty thuộc nhóm ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, chứng khoán... được SME xem xét theo các chỉ số đặc trưng riêng. SMES đảm bảo rằng mọi báo cáo, phân tích và nhận định về các vấn đề liên quan đến TTCK đều được gửi đến cho các KH qua email và/hoặc S-pro ít nhất 24g trước khi đăng tải miễn phí lên website www.smes.vn.

Phân tích - Đầu tư SME

Tuyên bố từ bỏ trách nhiệm

**Số liệu do SME cung cấp chỉ mang tính tham khảo và SME tuyên bố không chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại liên quan khi khách hàng sử dụng những thông tin này.**

SME sẽ cố gắng đảm bảo tính chính xác của số liệu do các nguồn tin khác cung cấp trong điều kiện bình thường và với sự cần mẫn hợp lý, nhất là số liệu giao dịch và số liệu tài chính được trích dẫn (đối với các tổ chức niêm yết trên sàn HOSE hoặc HASTC, SME đều đảm bảo ưu tiên nguồn số liệu từ hai sàn giao dịch này). Đối với các chỉ số do SME tự tính toán và công bố, SME có quyền đưa ra phương pháp tính (SME sẽ công bố phương pháp này và cố gắng tuân theo các quy định trong nước hoặc theo thông lệ quốc tế nếu trong nước chưa có quy định) và do đó số liệu có thể có sai lệch so với số liệu của HOSE và các tổ chức khác.

SME chỉ cung cấp các thông tin nói trên miễn phí cho khách hàng và lưu trên website chính thức của SME nhằm giúp khách hàng cũng như các tổ chức hay cá nhân có quan tâm đến TTCK tham khảo, do đó SME cũng tuyên bố từ bỏ trách nhiệm đối với bất cứ hành vi liên quan đến giao dịch hay tư vấn cho tổ chức hay cá nhân thứ ba.

SME giữ bản quyền đối với những thông tin và số liệu do bản thân SME tính toán hay tạo ra. Người nhận tin của SME có toàn quyền sử dụng cho các mục đích phi vụ lợi, tuy nhiên phải ghi rõ nguồn tin là từ SME.